

Phụ lục

KẾ HOẠCH KIỂM TRA HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG, ÁP DỤNG, DUY TRÌ VÀ CẢI TIẾN
HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THEO TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015
TẠI CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TỈNH ĐẮK LẮK NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Tên cơ quan chịu sự kiểm tra	Đơn vị kiểm tra	Đơn vị phối hợp	Hình thức kiểm tra		Thời gian kiểm tra
				Thông qua hồ sơ và báo cáo	Tại trụ sở cơ quan	
1.	Văn phòng UBND tỉnh	Sở KH&CN	-	X		
2.	Kho bạc nhà nước tỉnh	-nt-	-	X		
3.	Cục Hải quan	-nt-	-	X		
4.	Bảo hiểm xã hội tỉnh	-nt-	-	X		
5.	Cục Thuế tỉnh	-nt-	-	X		
6.	Cục Quản lý thị trường	-nt-	-	X		
7.	Ban Dân tộc tỉnh	-nt-	-	X	X	Tháng 10/2024
8.	Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh	-nt-	-	X	X	Tháng 10/2024
9.	Sở Ngoại vụ	-nt-	-	X	X	Tháng 10/2024
10.	Sở Thông tin và Truyền thông	-nt-	-	X	X	Tháng 10/2024
11.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	-nt-	-	X	X	Tháng 10/2024
12.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	-nt-	-	X	X	Tháng 10/2024
13.	Sở Tài chính	-nt-	-	X	X	Tháng 10/2024

TT	Tên cơ quan chịu sự kiểm tra	Đơn vị kiểm tra	Đơn vị phối hợp	Hình thức kiểm tra		Thời gian kiểm tra
				Thông qua hồ sơ và báo cáo	Tại trụ sở cơ quan	
14.	Thanh tra tỉnh	-nt-	-	X		
15.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	-nt-	-	X		
16.	Sở Khoa học và Công nghệ	-nt-	-	X		
17.	Sở Tư pháp	-nt-	-	X		
18.	Sở Giáo dục và Đào tạo	-nt-	-	X		
19.	Sở Giao thông Vận tải	-nt-	-	X		
20.	Sở Công Thương	-nt-	-	X		
21.	Sở Tài nguyên và Môi trường	-nt-	-	X		
22.	Sở Y tế	-nt-	-	X		
23.	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	-nt-	-	X		
24.	Sở Xây dựng	-nt-	-	X		
25.	Sở Nội vụ	-nt-	-	X		
26.	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	-nt-	-	X	X	Tháng 10/2024
27.	Chi cục QLCL Nông lâm thủy sản	-nt-	-	X	X	Tháng 10/2024
28.	Chi cục Thủy lợi	-nt-	-	X	X	Tháng 10/2024
29.	Chi cục Dân số Kế hoạch hóa gia đình	-nt-	-	X	X	Tháng 10/2024
30.	Chi cục Phát triển Nông thôn	-nt-	-	X		
31.	Chi cục Thủy sản	-nt-	-	X		

TT	Tên cơ quan chịu sự kiểm tra	Đơn vị kiểm tra	Đơn vị phối hợp	Hình thức kiểm tra		Thời gian kiểm tra
				Thông qua hồ sơ và báo cáo	Tại trụ sở cơ quan	
32.	Chi cục An toàn Vệ sinh thực phẩm	-nt-	-	X		
33.	Chi cục Kiểm lâm	-nt-	-	X		
34.	Chi cục Chăn nuôi & Thú y	-nt-	-	X		
35.	UBND thành phố Buôn Ma Thuột	-nt-	-	X	X	Tháng 10/2024
36.	UBND huyện Ea Súp	-nt-	-	X	X	Tháng 10/2024
37.	UBND huyện Cư Kuin	-nt-	-	X	X	Tháng 10/2024
38.	UBND huyện Krông Bông	-nt-	-	X	X	Tháng 10/2024
39.	UBND huyện Cư M'gar	-nt-	-	X	X	Tháng 10/2024
40.	UBND huyện Krông Năng	-nt-	-	X		
41.	UBND huyện Ea H'leo	-nt-	-	X		
42.	UBND huyện Buôn Đôn	-nt-	-	X		
43.	UBND huyện Ea Kar	-nt-	-	X		
44.	UBND Thị xã Buôn Hồ	-nt-	-	X		
45.	UBND huyện Krông Pắc	-nt-	-	X		
46.	UBND Huyện Krông Búk	-nt-	-	X		
47.	UBND huyện Krông Ana	-nt-	-	X		
48.	UBND huyện Lắk	-nt-	-	X		
49.	UBND huyện M'Drăk	-nt-	-	X		

TT	Tên cơ quan chịu sự kiểm tra	Đơn vị kiểm tra	Đơn vị phối hợp	Hình thức kiểm tra		Thời gian kiểm tra
				Thông qua hồ sơ và báo cáo	Tại trụ sở cơ quan	
Huyện Krông Búk						
50.	UBND xã Chư Kpô	Sở KH&CN	-	X		
51.	UBND xã Tân Lập	-nt-	-	X		
52.	UBND xã Cư Pong	-nt-	-	X		
53.	UBND xã Ea Ngai	-nt-	-	X		
54.	UBND xã Pong Drang	-nt-	-	X		
55.	UBND xã Cư Né	-nt-	-	X		
56.	UBND xã Ea Sin	-nt-	-	X		
Huyện Lắk						
57.	UBND xã Buôn Triết	Sở KH&CN	-	X		
58.	UBND xã Buôn Tría	-nt-	-	X		
59.	UBND xã Krông Nô	-nt-	-	X		
60.	UBND xã Nam Ka	-nt-	-	X		
61.	UBND xã Đăk Nuê	-nt-	-	X		
62.	UBND xã Đăk Phoi	-nt-	-	X		
63.	UBND xã Ea Rbin	-nt-	-	X		
64.	UBND thị trấn Liên Sơn	-nt-	-	X		
65.	UBND xã Yang Tao	-nt-	-	X		
66.	UBND xã Bông Krang	-nt-	-	X		

TT	Tên cơ quan chịu sự kiểm tra	Đơn vị kiểm tra	Đơn vị phối hợp	Hình thức kiểm tra		Thời gian kiểm tra
				Thông qua hồ sơ và báo cáo	Tại trụ sở cơ quan	
67.	UBND xã Đắc Liêng	-nt-	-	X		
Huyện M'Đrăk						
68.	UBND xã Cư M'ta	Sở KH&CN	-	X		
69.	UBND xã Cư San	-nt-	-	X		
70.	UBND xã Ea Trang	-nt-	-	X		
71.	UBND xã Krông Ấ	-nt-	-	X		
72.	UBND xã Krông Jing	-nt-	-	X		
73.	UBND thị trấn M'Drăk	-nt-	-	X		
74.	UBND xã Ea Pìl	-nt-	-	X		
75.	UBND xã Cư Prao	-nt-	-	X		
76.	UBND xã Cư Kroă	-nt-	-	X		
77.	UBND xã Ea Mđoal	-nt-	-	X		
78.	UBND xã Ea Mlây	-nt-	-	X		
79.	UBND xã Ea Riêng	-nt-	-	X		
80.	UBND xã Ea Lai	-nt-	-	X		
Huyện Ea Kar						
81.	UBND thị trấn Ea Knốp	Sở KH&CN	-	X		
82.	UBND xã Ea Dar	-nt-	-	X		
83.	UBND xã Ea Ô	-nt-	-	X		

TT	Tên cơ quan chịu sự kiểm tra	Đơn vị kiểm tra	Đơn vị phối hợp	Hình thức kiểm tra		Thời gian kiểm tra
				Thông qua hồ sơ và báo cáo	Tại trụ sở cơ quan	
84.	UBND xã Ea Păl	-nt-	-	X		
85.	UBND xã Cư Ni	-nt-	-	X		
86.	UBND xã Cư Bông	-nt-	-	X		
87.	UBND thị trấn Ea Kar	-nt-	-	X		
88.	UBND xã Cư Huê	-nt-	-	X		
89.	UBND xã Xuân Phú	-nt-	-	X		
90.	UBND xã Ea Sô	-nt-	-	X		
91.	UBND xã Ea Sar	-nt-	-	X		
92.	UBND xã Ea Kmut	-nt-	-	X		
93.	UBND xã Ea Tih	-nt-	-	X		
94.	UBND xã Cư Elang	-nt-	-	X		
95.	UBND xã Cư Prông	-nt-	-	X		
96.	UBND xã Cư Yang	-nt-	-	X		
Huyện Buôn Đôn						
97.	UBND Xã Ea Huar	Sở KH&CN	-	X		
98.	UBND Xã Tân Hòa	-nt-		X		
99.	UBND Xã Cuôr Knia	-nt-	-	X		
100.	UBND Xã Ea Bar	-nt-		X		
101.	UBND Xã Ea Nuôl	-nt-	-	X		

TT	Tên cơ quan chịu sự kiểm tra	Đơn vị kiểm tra	Đơn vị phối hợp	Hình thức kiểm tra		Thời gian kiểm tra
				Thông qua hồ sơ và báo cáo	Tại trụ sở cơ quan	
102.	UBND Xã Ea Wer	-nt-	-	X		
103.	UBND Xã Krông Na	-nt-	-	X		
Huyện Ea Súp						
104.	UBND xã Ia Lốp	Sở KH&CN	-	X		
105.	UBND xã Ia Rvê	-nt-	-	X		
106.	UBND xã Ya Tờ Mốt	-nt-	-	X		
107.	UBND xã Cư Mlan	-nt-	-	X		
108.	UBND xã Ea Rôk	-nt-	-	X		
109.	UBND xã Ia Jloi	-nt-	-	X		
110.	UBND xã Ea Bung	-nt-	-	X		
111.	UBND xã Ea Lê	-nt-	-	X		
112.	Txhị trấn Ea Súp	-nt-	-	X		
113.	UBND xã Cư Kbang	-nt-	-	X		
Huyện Cư Kuin						
114.	UBND xã Ea Bôk	Sở KH&CN	-	X		
115.	UBND xã Hòa hiệp	-nt-	-	X		
116.	UBND xã Ea Tiêu	-nt-	-	X		
117.	UBND xã Ea Hu	-nt-	-	X		
118.	UBND xã Ea Ning	-nt-	-	X		

TT	Tên cơ quan chịu sự kiểm tra	Đơn vị kiểm tra	Đơn vị phối hợp	Hình thức kiểm tra		Thời gian kiểm tra
				Thông qua hồ sơ và báo cáo	Tại trụ sở cơ quan	
119.	UBND xã Dray Bhang	-nt-	-	X		
120.	UBND xã Cư Êwi	-nt-	-	X		
121.	UBND xã Ea Ktur	-nt-	-	X		
Huyện Krông Pắc						
122.	UBND xã Vụ Bồn	Sở KH&CN	-	X		
123.	UBND xã Ea Uy	-nt-	-	X		
124.	UBND xã Krông Buk	-nt-	-	X		
125.	Xã Hòa Tiến	-nt-	-	X		
126.	UBND thị trấn Phước An	-nt-	-	X		
127.	UBND xã Hòa Đông	-nt-	-	X		
128.	UBND xã Ea Phê	-nt-	-	X		
129.	UBND xã Ea Kuăng	-nt-	-	X		
130.	UBND xã Ea Knuéc	-nt-	-	X		
131.	UBND xã Hòa An	-nt-	-	X		
132.	UBND xã Ea Kênh	-nt-	-	X		
133.	UBND xã Ea Yiêng	-nt-	-	X		
134.	UBND xã Ea Hiu	-nt-	-	X		
135.	UBND xã Ea Yông	-nt-	-	X		
136.	UBND xã Ea Kly	-nt-	-	X		

TT	Tên cơ quan chịu sự kiểm tra	Đơn vị kiểm tra	Đơn vị phối hợp	Hình thức kiểm tra		Thời gian kiểm tra
				Thông qua hồ sơ và báo cáo	Tại trụ sở cơ quan	
137.	UBND xã Tân Tiến	-nt-	-	X		
Huyện Ea H'leo						
138.	UBND xã Cư Mốt	Sở KH&CN	-	X		
139.	UBND xã Ea Khăl	-nt-	-	X		
140.	UBND xã Ea Wy	-nt-	-	X		
141.	UBND xã Cư Amung	-nt-	-	X		
142.	UBND thị trấn Ea Drăng	-nt-	-	X		
143.	UBND xã Ea Hiao	-nt-	-	X		
144.	UBND xã Ea Sol	-nt-	-	X		
145.	UBND xã Ea Nam	-nt-	-	X		
146.	UBND xã Ea Dliê Yang	-nt-	-	X		
147.	UBND xã Ea H' Leo	-nt-	-	X		
148.	UBND xã Ea Ral	-nt-	-	X		
149.	UBND xã Ea Tir	-nt-	-	X		
Huyện Cư M'gar						
150.	UBND xã Cư Dliê M' nông	Sở KH&CN	-	X		
151.	UBND xã Ea Kuêh	-nt-	-	X		
152.	UBND xã Ea M' droh	-nt-	-	X		
153.	UBND xã Ea Kiết	-nt-	-	X		

TT	Tên cơ quan chịu sự kiểm tra	Đơn vị kiểm tra	Đơn vị phối hợp	Hình thức kiểm tra		Thời gian kiểm tra
				Thông qua hồ sơ và báo cáo	Tại trụ sở cơ quan	
154.	UBND xã Cư M'gar	-nt-	-	X		
155.	UBND xã Ea Drong	-nt-	-	X		
156.	UBND xã Ea Kpam	-nt-	-	X		
157.	UBND xã Cuôr Đăng	-nt-	-	X		
158.	UBND xã Ea H'đing	-nt-	-	X		
159.	UBND xã Cư Suê	-nt-	-	X		
160.	UBND thị trấn Quảng Phú	-nt-	-	X		
161.	UBND thị trấn Ea Pôk	-nt-	-	X		
162.	UBND xã Quảng Tiến	-nt-	-	X		
163.	UBND xã Quảng Hiệp	-nt-	-	X		
164.	UBND xã Ea Tul	-nt-	-	X		
165.	UBND xã Ea Tar	-nt-	-	X		
166.	UBND xã Ea M'ngang	-nt-	-	X		
Huyện Krông Bông						
167.	UBND xã Hòa Lễ	Sở KH&CN	-	X		
168.	UBND xã Hòa Sơn	-nt-	-	X		
169.	UBND thị trấn Krông Kmar	-nt-	-	X		
170.	UBND xã Cư pui	-nt-	-	X		
171.	UBND xã Cư Drăm	-nt-	-	X		

TT	Tên cơ quan chịu sự kiểm tra	Đơn vị kiểm tra	Đơn vị phối hợp	Hình thức kiểm tra		Thời gian kiểm tra
				Thông qua hồ sơ và báo cáo	Tại trụ sở cơ quan	
172.	UBND xã Yang Reh	-nt-	-	X		
173.	UBND xã Yang Mao	-nt-	-	X		
174.	UBND xã Ea Trul	-nt-	-	X		
175.	UBND xã Hòa Phong	-nt-	-	X		
176.	UBND xã Khuê Ngọc Điền	-nt-	-	X		
177.	UBND xã Cư Kty	-nt-	-	X		
178.	UBND xã Hòa Tân	-nt-	-	X		
179.	UBND xã Hòa Thành	-nt-	-	X		
180.	UBND xã Dang Kang	-nt-	-	X		
Thành phố Buôn Ma Thuột						
181.	UBND Phường Tân Hòa	Sở KH&CN	-	X		
182.	UBND Phường Tân Thành	-nt-	-	X		
183.	UBND Phường Tân An	-nt-	-	X		
184.	UBND Phường Tân Lợi	-nt-	-	X		
185.	UBND Phường Tân Lập	-nt-	-	X		
186.	UBND xã Cư Ê bur	-nt-	-	X		
187.	UBND xã Hòa Khánh	-nt-	-	X		
188.	UBND xã Hòa Xuân	-nt-	-	X		
189.	UBND xã Hòa Thuận	-nt-	-	X		

TT	Tên cơ quan chịu sự kiểm tra	Đơn vị kiểm tra	Đơn vị phối hợp	Hình thức kiểm tra		Thời gian kiểm tra
				Thông qua hồ sơ và báo cáo	Tại trụ sở cơ quan	
190.	UBND Phường Tự An	-nt-	-	X		
191.	UBND Phường Thắng Lợi	-nt-	-	X		
192.	UBND Phường Thống Nhất	-nt-	-	X		
193.	UBND Phường Thành Công	-nt-	-	X		
194.	UBND Phường Thành Nhất	-nt-	-	X		
195.	UBND Phường Ea Tam	-nt-	-	X		
196.	UBND Phường Khánh Xuân	-nt-	-	X		
197.	UBND Phường Tân Tiến	-nt-	-	X		
198.	UBND xã Ea Kao	-nt-	-	X		
199.	UBND xã Hòa Thắng	-nt-	-	X		
200.	UBND xã Hòa Phú	-nt-	-	X		
201.	UBND xã Ea Tu	-nt-	-	X		
Huyện Krông Năng						
202.	UBND xã Phú Xuân	Sở KHCN	-	X		
203.	UBND xã Ea Tam	-nt-	-	X		
204.	UBND xã Ea Hồ	-nt-	-	X		
205.	UBND xã Dliê Ya	-nt-	-	X		
206.	UBND xã Cư Klông	-nt-	-	X		
207.	UBND xã Tam Giang	-nt-	-	X		

TT	Tên cơ quan chịu sự kiểm tra	Đơn vị kiểm tra	Đơn vị phối hợp	Hình thức kiểm tra		Thời gian kiểm tra
				Thông qua hồ sơ và báo cáo	Tại trụ sở cơ quan	
208.	UBND xã Ea Puk	-nt-	-	X		
209.	UBND xã Ea Đăh	-nt-	-	X		
210.	UBND thị trấn Krông Năng	-nt-	-	X		
211.	UBND xã Phú Lộc	-nt-	-	X		
212.	UBND xã Ea Tóh	-nt-	-	X		
213.	UBND xã Ea Tân	-nt-	-	X		
Thị xã Buôn Hồ						
214.	UBND Phường Đạt Hiếu	Sở KHCN	-	X		
215.	UBND Phường Bình Tân	-nt-	-	X		
216.	UBND xã Ea Blang	-nt-	-	X		
217.	UBND xã Cư Bao	-nt-	-	X		
218.	UBND xã Bình Thuận	-nt-	-	X		
219.	UBND Phường Thiện An	-nt-	-	X		
220.	UBND Phường Thống Nhất	-nt-	-	X		
221.	UBND Phường An Bình	-nt-	-	X		
222.	UBND Phường An Lạc	-nt-	-	X		
223.	UBND xã Ea Drông	-nt-	-	X		
224.	UBND Phường Đoàn Kết	-nt-	-	X		
225.	UBND xã Ea Siên	-nt-	-	X		

TT	Tên cơ quan chịu sự kiểm tra	Đơn vị kiểm tra	Đơn vị phối hợp	Hình thức kiểm tra		Thời gian kiểm tra
				Thông qua hồ sơ và báo cáo	Tại trụ sở cơ quan	
Huyện Krông Ana						
226.	UBND thị trấn Buôn Trấp	Sở KHCN	-	X		
227.	UBND Xã Băng Adrênh	-nt-	-	X		
228.	UBND Xã Dray Sáp	-nt-	-	X		
229.	UBND Xã Quảng Điền	-nt-	-	X		
230.	UBND Xã Bình Hòa	-nt-	-	X		
231.	UBND Xã Dur Kmăl	-nt-	-	X		
232.	UBND Xã Ea Bông	-nt-	-	X		
233.	UBND Xã Ea Na	-nt-	-	X		